

ISSN 0868-3808 TRUNG TÂM KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

Kinh tế

Châu Á - Thái Bình Dương

ASIA - PACIFIC ECONOMIC REVIEW

Các yếu tố tác động chuyển đổi số của các ngân hàng
Bảo mật thông tin cá nhân và bảo vệ tài khoản
Dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu trong kiểm toán
Chuyển đổi số trong nông nghiệp ở Việt Nam
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh bảo hiểm

Số Cuối tháng - Tháng 6 năm 2024



Thuận lợi hóa thương mại
dựa trên công nghệ số

www.ktcatbd.com.vn



89385001883019

TRỤ SỞ CHÍNH

176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH

Số 18 ngõ 49 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 0888381299

Email: ktcatbd@gmail.com

TỔNG BIÊN TẬP

Lê Văn Sang

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Lê Kim Sa (Việt Hà)

Nguyễn Hồng Phối

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC

Trần Văn Thọ

Võ Đại Lực

Đặng Nguyên Anh

Trần Đình Thiên

Lê Bộ Lĩnh

Nguyễn Đức Thành

Trần Đức Hiệp

Bùi Quang Tuấn

Phí Mạnh Tường

Hồ Đức Hiệp

Trần Thị Nam Thắng

Chu Văn Thắng

Tô Hiến Thà

THƯ KÝ TÒA SOẠN

Lê Thu Hà: 0913034666

Email: lethuha2707@gmail.com

BAN TRỊ SỰ

Hồng Huế: 0962002215

Email: lehonghue0511@gmail.com

BAN THƯ KÝ - BIÊN TẬP

Hoàng Dung: 0938016618

Email: hoangdung.brand@gmail.com

Vân Anh: 0903833489

Email: ktcatbd.nc@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN: 1545/BC-GPXB;

175/GP-BVHTT; 274/GP-BTTTT

In tại Công ty in My link

Giá: 50.000 VND

04. Thuận lợi hóa thương mại dựa trên công nghệ số và hàm ý cho Việt Nam
Bùi Hồng Trang
07. Các yếu tố tác động đến thành công trong chuyển đổi số của các ngân hàng
Hoàng Thúy Phương
10. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh quốc tế
Mai Thế Cường
13. Bảo mật thông tin cá nhân gắn liền với giải pháp bảo vệ tài khoản ngân hàng
Ngô Thanh Loan
16. Một số nghiên cứu xây dựng mô hình kinh doanh du lịch di sản văn hoá cho người dân địa phương Hà Tĩnh
Nguyễn Thị Thanh Huyền
19. Ứng dụng dữ liệu lớn (big data) và phân tích dữ liệu trong kiểm toán
Nguyễn Trần Thủy Tiên
22. Thúc đẩy tăng trưởng bền vững: cơ hội và thách thức trong phát triển du lịch xanh tại tỉnh Phú Thọ
Nguyễn Việt Liên Hương, Chử Thị Kim Ngân
25. Nữ doanh nhân Việt Nam sau Covid-19 và vào thời đại của AI: Tầm nhìn, thực tế, khả năng thích ứng và khuyến nghị
Phạm Lan Anh, Dương Hoài Linh
28. Chuyển đổi số trong nông nghiệp ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp
Phan Yến Trang
31. Tài chính cho phát triển kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển bền vững ở Việt Nam
Trần Thị Thu Hương
34. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm
Trịnh Chi Mai
37. Xu hướng chuyển đổi số trong ngành bán lẻ hiện nay và các giải pháp cho doanh nghiệp
Võ Minh Duy, Nguyễn Thanh Thuận
40. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc phát hiện hoạt động gian lận ngân hàng tại Việt Nam: Triển vọng và thách thức
Vũ Minh Chiến
43. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục tại các trường đại học ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay
Đan Thu Vân
46. Quản lý thương hiệu du lịch quốc gia gắn với quản lý du lịch văn hóa, quản lý kinh tế
Lê Bá Tú
49. Phát triển các trung tâm outlet để thu hút thêm khách du lịch tới Việt Nam
Ngô Kim Thanh
52. Marketing xanh: định hướng phát triển bền vững cho doanh nghiệp Việt Nam
Nguyễn Thị Kim Tín, Mai Văn Chiến
55. Năng lực nghề nghiệp của hướng dẫn viên du lịch tỉnh Tiền Giang: lý thuyết nền và cách tiếp cận nghiên cứu
Nguyễn Thị Ngọc Phương
58. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chuyển đổi từ khởi sự kinh doanh kết hợp sang khởi sự kinh doanh toàn thời gian
Nguyễn Tuấn Tài
61. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định về quê làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp: một nghiên cứu tại Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh
Phạm Thị Lê Hoa, Nguyễn Thanh Ly Ny
64. Các yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của nhân viên tại Công ty Điện lực Gò Vấp
Phạm Văn Đạt
67. Khoa học trong chính sách tiền tệ và hướng tiếp cận cho Việt Nam
Tô Công Nguyên Bảo, Võ Tâm Dũng
70. Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham quan địa điểm du lịch xanh: Góc nhìn từ lý thuyết hành vi dự định
Phạm Thùy Linh, Nguyễn Việt Bằng, Đỗ Thị Hải Ninh
73. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của các siêu thị bán lẻ trên địa bàn thành phố Hà Nội
Trần Đăng Quân
76. Giải pháp tạo động lực làm việc cho người lao động tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thăng Hoa
Trần Mạnh Hùng
79. Ảnh hưởng của việc áp dụng IFRS 9 đến các chỉ số tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam
Trịnh Hồng Hạnh

82. Các yếu tố tác động đến động lực làm việc của cán bộ, công chức, người lao động cấp huyện và xã:
Nghiên cứu tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận *Hoàng Thanh Liêm, Trần Thị Kim Phượng, Nguyễn Văn Tuấn*
85. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) – chi nhánh Đà Nẵng *Lê Phúc Minh Chuyên*
88. Nghiên cứu động lực tác động đến sinh viên các ngành kinh doanh tìm kiếm việc làm tại vị trí bán hàng trong lĩnh vực bất động sản *Nguyễn Phương Anh*
91. Giải pháp giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Đà Nẵng *Nguyễn Thị Hạnh*
94. Vai trò của lãnh đạo tinh thần đối với động lực làm việc, sự hài lòng của người lao động tại khối doanh nghiệp *Nguyễn Thị Hồng Nguyệt*
97. Tác động của đại dịch Covid-19 đến hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp siêu nhỏ tại Đồng Tháp *Phan Anh Tú, Trương Gia Bảo, Dương Lê Văn*
100. Thực trạng công tác quản lý vật tư tại Công ty 35, chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc *Phạm Thị Nguyệt*
103. Giá trị tiện dụng ảnh hưởng đến hành vi mua hàng ngẫu hứng trực tuyến *Lưu Minh Vững*
106. The potential of Vietnamese pharmaceutical products export to the Japanese market: Recommendations for Vietnamese pharmaceutical industry *Tran Bích Ngọc, Tang Quoc Hung, Ly Nguyen Ngoc*
109. Nâng cao chất lượng và số lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam *Trần Thị Minh Ngọc*
112. Nghiên cứu ý định mua rau an toàn của người tiêu dùng tại thành phố Biên Hòa *Võ Anh Kiệt, Trần Quang Bình, Nguyễn Thị Hồng Linh*
114. Giải pháp triển khai kế toán bền vững tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam *Trần Thị Kim Phượng, Nguyễn Hữu Thiện*
117. Ứng dụng của blockchain trong bảo mật hồ sơ bệnh án điện tử *Nguyễn Thị Hoài Thu*
120. Kế toán trách nhiệm xã hội: thực trạng và giải pháp tại Việt Nam *Trần Thị Kim Ngân*
123. Một số nhân tố ảnh hưởng đến kế toán quản trị tại doanh nghiệp trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 *Nguyễn Thị Song Hương*
126. Tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công tại tỉnh Trà Vinh: thực trạng và giải pháp *Nguyễn Thị Thảo Sương*

Thực trạng công tác quản lý vật tư tại Công ty 35, chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc

Phạm Thị Nguyệt
Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Email: phamthinguyet@humg.edu.vn

Vật tư là một trong những yếu tố đầu vào chủ yếu của doanh nghiệp vì vậy việc đảm bảo đầy đủ về số lượng, chất lượng vật tư sẽ giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra được thường xuyên, liên tục và không bị gián đoạn. Vì vậy, quản lý tốt vật tư sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao được hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp việc quản lý vật tư đang gặp rất nhiều những hạn chế như: Định mức vật tư còn chưa sát với thực tế; Công tác lập kế hoạch vật tư còn chưa khoa học; Chi phí mua vật tư, số lần đặt mua chưa tối ưu... Dưới góc độ đó, bài viết đánh giá thực trạng công tác quản lý vật tư tại Công ty 35, Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc và đề xuất giải pháp tăng cường quản lý vật tư tại Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1. Mở đầu

Vật tư là một trong những yếu tố đầu vào chủ yếu của doanh nghiệp, là một bộ phận chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp vì vậy quản lý tốt vật tư sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, chất lượng của vật tư quyết định trực tiếp chất lượng của sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra nếu quản lý tốt vật tư còn giúp cho doanh nghiệp có thể tăng khả năng cạnh tranh, tăng giá bán sản phẩm và từ đó tăng lợi nhuận cũng như hiệu quả kinh doanh của mình. Tuy nhiên, hiện nay tại Công ty 35, TCT Đông Bắc công tác quản lý vật tư vẫn gặp phải những hạn chế như: Công tác xây dựng định mức vật tư còn nhiều chỉ tiêu không khoa học và chưa sát với thực tế khai thác tại Công ty; Công tác lập kế hoạch vật tư của Công ty còn nhiều khoản chi phí chưa được tính toán chặt chẽ mà còn mang nặng tính chủ quan, ước đoán; Công tác mua sắm vật tư còn chưa hiệu quả, chi phí mua hàng cao, số lần đặt mua chưa tối ưu; Giá trị và số lượng vật tư dự trữ chưa hợp lý; Việc cấp phát và sử dụng các CCDC phục vụ cho hoạt động sửa chữa (cờ lê, mỏ lết, súng bắn vít, ...) tại các xưởng sửa chữa, gia công còn chưa được quản lý chặt chẽ nên tình trạng mất mát còn xảy ra thường xuyên; Công tác hạch toán vật tư thì chưa mở sổ chi tiết TK 153 để quản lý CCDC riêng biệt dù số lượng, chủng loại và giá trị CCDC tại Công ty tương đối lớn... Trong bối cảnh đó, việc đánh giá thực trạng công tác quản lý vật tư tại Công ty 35, Chi nhánh TCT Đông Bắc là một yêu cầu tất yếu do thực tiễn đặt ra để

đảm bảo tính hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

2. Thực trạng công tác quản lý vật tư tại Công ty 35, chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc

2.1. Khái quát về Công ty 35, Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc

Công ty 35 là một đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đông Bắc đóng quân trên địa bàn phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chức năng của Công ty bao gồm: Khai thác, chế biến kinh doanh than, khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông; Xây lắp đường dây và trạm điện; Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng; Vận tải đường thủy, đường bộ; Tham gia huấn luyện quân sự, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khác khi cấp trên giao. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty 35 phải thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau: Sản xuất và kinh doanh than; Bảo toàn và phát triển vốn được Nhà nước giao, đảm bảo kinh doanh có lãi; Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trích nộp đối với nhà nước và cấp trên; Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên; Phối hợp với các ngành chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn để giữ vững an ninh, chính trị của địa phương.

2.2. Thực trạng công tác quản lý vật tư tại Công ty 35, chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc

Thực trạng xây dựng định mức tiêu hao vật tư
Căn cứ vào bộ định mức kinh tế kỹ thuật do TCT

Đông Bắc ban hành, kế hoạch nhiệm vụ công việc và tình hình sử dụng vật tư của những kỳ trước, Phòng Cơ điện vận tải của Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật cho từng loại vật tư cho phù hợp với điều kiện SXKD thực tế đơn vị. Việc điều chỉnh, xây dựng định mức tiêu hao thường tập trung vào các loại vật tư chủ yếu theo phương pháp trung bình tiên tiến của các mức tiêu hao thực tế theo thời gian.

Công tác xây dựng định mức vật tư tiêu hao của Công ty được thực hiện tương đối khoa học, các định mức ban hành đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, việc xây dựng định mức tiêu hao vật tư theo phương pháp này chủ yếu dựa vào số liệu của quá khứ nên chưa tính đến được sự phát triển trong tương lai. Bên cạnh đó, điều kiện khai thác của ngành than luôn biến động nên việc áp dụng phương pháp này làm cho Công ty phải thường xuyên điều chỉnh định mức điều này vừa lãng phí về thời gian, tiền bạc và có thể gây chậm trễ trong quá trình nghiệm thu, quyết toán chi phí vật tư.

Thực trạng lập kế hoạch vật tư tại Công ty 35

- Trước ngày 15/11 hàng năm, Phòng Cơ điện vận tải Công ty lập nhu cầu vật tư chủ yếu cho năm sau báo cáo TCT theo quy định. Sau khi áp dụng các phương pháp tính toán, kế hoạch vật tư của Công ty 35 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Kế hoạch vật tư chủ yếu của Công ty 35 Năm 2023

Yếu tố chi phí	ĐVT	Kế hoạch năm 2023				
		Định mức	K. lượng công việc	Nhu cầu	Đơn giá	Thành tiền (tr)
Tổng cộng						233.139,6
Vật liệu phụ chủ yếu						109.618,0
Vật liệu nổ						20.357,2
Thuốc nổ hàm ló	Kg/1000t	204,62	880.000,0	180.062,3	44.600,2	8.030,8
Gỗ ló	M3/1000t	12,60	880.000,0	11.086	1.260.140	13.970,3
Cột chống thủy lực	Cái/1000t	1,2	195.000,0	224,4	3.150.000	706,9
Phụ tùng thay thế SC						20.325,0
Dầu mỡ phụ	% nhiên liệu					6.735,6
Vật liệu phụ khác	% (a+b+c)					56.516,5
Nhiên liệu						11.122,6
Dầu Diesel	Lít		5.246.483,5	523.700,9	21.200,0	11.102,5
Đóng lưc	KWh/tấn NK	15,18	960.000,0	14.572.800,0	1.669	24.322,0

Có thể thấy công tác lập kế hoạch vật tư của Công ty 35 được thực hiện tương đối bài bản tuy nhiên, trong kế hoạch vẫn còn nhiều khoản chi phí chưa được tính toán chặt chẽ mà còn mang nặng tính chủ quan, ước đoán.

Thực trạng công tác quản lý cung ứng vật tư tại Công ty 35

Hiện nay, Công ty 35 chủ yếu tập trung mua sắm tại một số Công ty chủ yếu như sau: Kết quả mua sắm vật tư của Công ty trong năm 2023 được thể hiện trong các số liệu của Bảng kết quả mua sắm vật tư của Công ty năm 2023.

Các đơn vị cung cấp vật tư cho Công ty đều là các

Công ty lớn, có uy tín, đã có mối quan hệ lâu dài với Công ty nên luôn đảm bảo đúng hợp đồng đã ký kết về số lượng, chất lượng và thời gian cung cấp.

Thực trạng công tác dự trữ vật tư

Theo quy định trong quy chế quản lý vật tư của Công ty 35, công tác quản lý dự trữ vật tư của Công ty được thực hiện cụ thể như sau:

Hạn mức tồn kho: Hạn mức toàn kho của toàn Công ty không vượt quá 10% nhu cầu sử dụng trong 1 (một) năm.

Tổng hợp tồn kho vật tư cuối năm của Công ty 35 cho thấy: Trong giai đoạn phân tích, tình hình tồn kho vật tư của Công ty biến động mạnh, cụ thể: Cuối năm 2022 (14.520,30 triệu đồng). Tuy nhiên, đến cuối năm 2023, giá trị tồn kho vật tư của Công ty lại giảm mạnh xuống còn 9.180,40 triệu đồng, tức giảm 5.339,90 triệu đồng, tương ứng giảm 36,78% so với năm 2022.

Thực trạng công tác sử dụng vật tư

Tình hình sử dụng vật tư của Công ty trong năm 2023 được tập hợp trong Bảng tình hình thực hiện vật tư, bảng 2.

Bảng 2. Bảng tình hình sử dụng vật tư chủ yếu của Công ty 35

YẾU TỐ CHI PHÍ	ĐVT	Năm 2022			Năm 2023		
		KH	TH	+/-	KH	TH	+/-
Vật liệu nổ							
Thuốc nổ hàm ló	Kg/1000t	193,2	192,1	-1,1	204,6	203,9	-0,7
Phụ kiện nổ hàm ló	% so TNổ	120,0	97,2	-22,8	120,0	111,1	-8,9
Thuốc nổ lộ thiên	Kg/1000m3	58,4	55,7	-2,7	293,0	288,7	-4,3
Phụ kiện nổ lộ thiên	% so TNổ	25,1	18,0	-7,1	15,0	16,4	1,4
Gỗ ló	M3/1000t	13,4	13,2	-0,2	12,6	12,4	-0,2
Lưới thép B40	Kg/1000t	500,0	486,3	-13,7	520,0	518,0	-2,0
Cầu máng cào	Cái/1000t	0,4	0,4	0,0	0,3	0,2	-0,1
Xích máng cào	m/1000t	5,0	1,3	-3,7	4,5	4,4	-0,1

Qua phân tích tình hình sử dụng vật tư của Công ty 35, có thể thấy vẫn còn 1 số loại vật tư có mức sử dụng thực tế lớn hơn định mức đã xây dựng. Việc sử dụng các loại vật liệu trên vượt định mức cho thấy định mức vật tư của Công ty vẫn còn nhiều bất cập do chưa thể điều chỉnh kịp thời khi điều kiện sản xuất thường xuyên có sự thay đổi.

Thực trạng công tác hạch toán vật tư

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay, công tác kế toán của Công ty đảm bảo đúng, đủ và chính xác và tuân thủ theo các chế độ kế toán ban hành.

3. Giải pháp tăng cường quản lý vật tư tại Công ty 35, Tổng Công ty Đông Bắc

3.1. Hoàn thiện công tác cung ứng vật tư

Hiện nay, việc mua sắm vật tư của Công ty 35 chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm mà chưa được tính toán cụ thể theo các phương pháp khoa học nên chi phí lưu kho, chi phí mua hàng cao. Để khắc phục tình trạng này, Công ty nên áp dụng mô hình quản lý

hàng tồn kho Economic Order Quantity (EOQ) để xác định số lượng vật tư cần mua tại một thời để đạt được chi phí tối ưu nhất.

3.2. Hoàn thiện công tác dự trữ vật tư

Hiện nay, việc xác định mức vật tư dự trữ của Công ty chủ yếu dựa vào kinh nghiệm thực tế nên số lượng vật tư, giá trị tồn kho không ổn định. Để khắc phục hạn chế này, sau khi áp dụng mô hình EOQ, dựa trên các thông số về sản lượng đặt hàng tối ưu, số lần đặt hàng tối ưu tác giả tiến hành tính toán lại các chỉ tiêu dự trữ vật tư cho gỗ chống lò trong kế hoạch năm 2023 của Công ty 35 như sau:

- Sản lượng kế hoạch năm 2023 là: 880.000 tấn
- Số ngày làm việc của Công ty là: 300 ngày
- Lượng sản phẩm sản xuất 1 ngày đêm (Qngđ): 2.933,33 tấn

Bảng 3: Bảng xác định một số chỉ tiêu dự trữ của gỗ chống lò theo các thông số cơ bản theo mô hình EOQ

Chỉ tiêu	ĐVT	Công thức	Thông số
Mức tiêu hao vật tư cho 1000 tấn	m ³	Đ	12,598
Thời gian dự trữ thường xuyên	ngày	Ttx	16
Thời gian dự trữ bảo hiểm	ngày	Tbh	3
Thời gian dự trữ chung	m ³	Te = Ttx + Tbh	19
Số lần cung ứng tối ưu	lần	Ốđ	7,57
Số lượng mỗi lần nhập tối ưu	m ³	Q*	1.464,01
Nhu cầu dùng bình quân 1 ngày đêm ký kế hoạch	m ³	Vngđ	36,95
Lượng vật tư dự trữ thường xuyên	m ³	Dtx = Vngđ * Ttx	591,27
Lượng dự trữ thường xuyên lớn nhất	m ³	Dtx max = Qngđ * Ttx	537,55
Lượng dự trữ thường xuyên trung bình	m ³	Dtxtb = Dtx max / 2	268,78
Lượng vật tư dự trữ bảo hiểm	m ³	Dbh = Vngđ * Tbh	110,86
Lượng vật tư dự trữ chung lớn nhất	m ³	Dc max = Dtx max + Dbh	648,41
Lượng vật tư dự trữ trung bình lớn nhất	m ³	Detc = Dtx max / 2	324,21
Số vòng quay dự trữ trong năm	vòng	Nvq = D/Detb	34,20

Từ ví dụ tính toán lượng vật tư dự trữ cho gỗ chống lò, Công ty có thể áp dụng tính toán tương tự cho các loại vật tư dự trữ khác của mình.

4. Kết luận

Công tác quản lý vật tư trong các doanh nghiệp công nghiệp nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp gỗ nói riêng, là khâu rất quan trọng trong quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nó đảm bảo các yếu tố đầu vào của sản xuất như: Nguyên nhiên vật liệu, công cụ lao động, chi tiết máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế... Các doanh nghiệp đều tìm mọi biện pháp để hoàn thiện, nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác quản lý vật tư của doanh nghiệp mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng một cách có hiệu quả cao nhất công suất máy móc thiết bị, tránh tình trạng máy ngừng, máy nghỉ, cộng với việc sử dụng hợp lý và tiết kiệm vật tư đã góp phần nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, thúc đẩy việc nâng cao chất lượng sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường./.

Tài liệu tham khảo

- Công ty 35 - Chi nhánh TCT Đông Bắc (2022; 2023), Báo cáo vật tư năm 2022, 2023, Quảng Ninh.
- Công ty 35 - Chi nhánh TCT Đông Bắc (2023), Quy chế quản lý vật tư, Quảng Ninh.
- Tổng công ty Đông Bắc (2023), Quy chế quản lý công tác vật tư, Quảng Ninh.